TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2026.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Trần Thị Diễm Uyên, bà Lê Thị Thuý Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thái Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phàng Thị Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 35/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh ngày 08/9/1979 – có mặt.

Số CCCD: 066179011xxx.

Địa chỉ: Thôn E, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trương Hoài L, sinh ngày 01/01/1973 – vắng mặt không có lý do.

Số CCCD: 089073011xxx.

Địa chỉ: Thôn E, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông Trương Hoài L đã tự nguyện yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/8/2007 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là xã V, tỉnh An Giang). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/ 2024 cho đến nay. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi

người và ổn định cuộc sống, bà Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Hoài L.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Q và ông Trương Hoài L có 02 (hai) con chung là Trương Thị K, sinh ngày 27/10/2007 và Trương Thị Hồng N, sinh ngày 07/01/2020. Hiện nay, cháu N đang ở với bà Q còn cháu L đã trưởng thành. Sau ly hôn, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Thị Hồng N đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn cháu Trương Thị Kha L đã trưởng thành nên bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Trương Hoài L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, bà Q được ly hôn ông Trương Hoài L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Trương Thị Hồng N, sinh ngày 07/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu Hồng N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Hoài L vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Hoài L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là xã V, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 01. Theo bà Q trình bày vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà Q và ông L đã sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Hoài L.

Kết quả xác minh tại địa phương được biết ông Trương Hoài L có hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay địa phương không ghi nhận việc ông L có khai báo tạm vắng hay chuyển hộ khẩu thường trú đến địa phương khác. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương được biết bà Q, ông L có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ lâu nhưng vợ chồng không báo với thôn, buôn nên địa phương không tiến hành hoà giải cho vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Hoài L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài (đã ly thân từ tháng 4/2024), mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Q được ly hôn ông Trương Hoài L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Q và ông L có 02 con chung là Trương Thị Kha L, sinh ngày 27/10/2007 và Trương Thị Hồng N, sinh ngày 07/01/2020. Hiện nay, cháu N đang ở với bà Q còn cháu L đã trưởng thành. Ly hôn bà Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Thị Hồng N. Xét thấy cháu Trương Thị Hồng N còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, và hiện nay cháu N đang ở với bà Q. Do vậy, giao con chung là cháu Trương Thị Hồng N, sinh ngày 07/01/2020 cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo quyền lợi của cháu N. Đối với con chung là Trương Thị Kha L đã trưởng thành, bà Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn ông Trương Hoài L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thị Hồng N, sinh ngày 07/01/2020 cho bà Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005813 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Khu vực 8-Đắk Lắk;*
- *THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Phòng THADS Khu vực 8-Đắk Lắk;*
- *UBND xã V, tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT; hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái